

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2025

Về việc: “Ly hôn và nuôi con chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Lâm và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “Ly hôn và nuôi con chung” thụ lý số 17/2025/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXX- ST ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự.

** Nguyên đơn:* anh Hà Xuân M, sinh năm: 1995

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

** Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1998

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Xuân M1 trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Hà Xuân M và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống không có hạnh phúc. Nay anh Minh X thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Xuân Gia B, sinh ngày 02/9/2016. Nay ly hôn anh M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung,

không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang là lao động tự do thu nhập mỗi tháng khoảng 13.000.000đ, sau khi ly hôn anh sẽ sống cùng bố mẹ anh tại thị trấn T, bố mẹ anh đang còn trẻ, khỏe nên có thể hỗ trợ anh trong việc chăm sóc cháu những lúc anh bận, nên anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2016. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên không có hạnh phúc. Nay chị N cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Xuân Gia B, sinh ngày 02/9/2016. Nay ly hôn chị N cũng đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản xác minh ngày 14 tháng 3 năm 2025, đại diện chính quyền thị trấn T cung cấp thông tin:

Anh Hà Xuân M và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được vì chị N và anh M không báo cáo tổ dân phố và thị trấn để yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng.

Về con chung: Anh M2 và chị N có 01 con chung là Hà Xuân Gia B, sinh ngày 02/9/2016, hiện nay cháu Gia B đang sống cùng anh M2 và ông bà nội. Về điều kiện sức khỏe, học tập của cháu Gia B phát triển tốt, không bị bạo lực gia đình.

Điều kiện nuôi con chung của anh M2: Anh M2 hiện là lao động tự do, có thu nhập tốt, đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giải quyết cho anh Hà Xuân M và chị Trần Thị N ly hôn

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Xuân Gia B, sinh ngày 02/9/2016 cho anh Hà Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Hà Xuân M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh M và chị N theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh M và chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Hà Xuân M và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2016. Nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh M và chị N đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh M và chị N là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Xuân M và chị Trần Thị N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Xuân Gia B, sinh ngày 02/9/2016. Nay anh M và chị N đều thống nhất giao cháu Gia B cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Gia B cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó công nhận sự thỏa thuận giữa anh M và chị N, giao cháu Gia B cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Minh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Xuân M và chị Trần Thị N

Về con chung: Công nhận sự thảo thuận giữa anh M và chị N về phần con chung: Giao cháu Hà Xuân Gia B, sinh ngày 02/9/2016 cho anh Hà Xuân M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Hà Xuân M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0004366 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã Phú Trung, huyện Phú Riềng,;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan